

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ I LỚP 11 NĂM HỌC 2023-2024

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Loại máy móc nào sau đây có thể thay thế trâu trong canh tác

- A. Máy cày B. Máy xúc C. Máy tuốt lúa D. Máy bơm

Câu 2: Điền các cụm từ còn thiếu vào chỗ trống:

Chăn nuôi công nghệ cao là mô hình chăn nuôi ứng dụng những ...nhằm ..., tăng chất lượng sản phẩm và hiệu quả chăn nuôi

- A. công nghệ hiện đại – giảm giới gian chăn nuôi
B. công nghệ hiện đại – nâng cao năng suất
C. kinh nghiệm chăn nuôi – giảm sức lao động
D. thành tựu kĩ thuật – tăng số lượng

Câu 3: Triển vọng của ngành chăn nuôi là

- A. thu hút nhiều nhà đầu tư quốc tế
B. hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và bền vững
C. ngày càng có nhiều nhân lực, nhân công có trình độ
D. mở rộng quy mô lớn, trở thành ngành kinh tế mũi nhọn

Câu 4: Sản phẩm chăn nuôi nào dưới đây không được dùng làm thực phẩm.

- A. Sữa B. Thịt C. Lông D. Trứng

Câu 5: Đâu không phải là công nghệ được đưa vào áp dụng trong chăn nuôi ?

- A. Quạt điện trong chuồng gà.
B. Các cảm biến trong chuồng lợn
C. Công nghệ thị giác máy tính nhận diện khuôn mặt bò
D. Thiết bị cảm biến đeo cổ cho bò

Câu 6: Ưu điểm của việc ứng dụng máy móc, công nghệ cao vào chăn nuôi so với chăn nuôi truyền thống là? Chọn đáp án sai.

- A. tăng năng suất, giảm sức lao động
B. giảm nhân công
C. cần nhân công có trình độ cao
D. giúp quản lý và chăm sóc vật nuôi hiệu quả hơn

Câu 7: Con vật nào có thể cung cấp sức kéo cho canh tác?

- A. gà B. lợn C. Dê D. trâu

Câu 8: Ý nào không phải là vai trò của chăn nuôi đối với đời sống kinh tế - xã hội?

- A. Cung cấp thực phẩm cho nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.
B. Cung cấp các tế bào, mô, cơ quan, động vật sống cho các nghiên cứu khoa học
C. Cung cấp sức kéo cho canh tác, khai thác, vận chuyển..
D. Cung cấp thiết bị , máy móc cho các ngành nghề khác.

Câu 9: Công nghệ nào không phải công nghệ ứng dụng trong nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi

- A. Công nghệ ứng dụng trong sản xuất thức ăn
B. Công nghệ ứng dụng trong sản xuất chế biến thực phẩm sinh học cho chăn nuôi
C. Công nghệ gene chọn lọc.

D. Công nghệ chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh

Câu 10: Nghề nào sau đây *không* thuộc những ngành chăn nuôi phổ biến ở nước ta

- A. Bác sĩ thú y
- B. Nghiên cứu di truyền học và sinh vật học ở vật nuôi.
- C. Nhà tư vấn nuôi trồng thủy sản
- D. Nghề chọn và tạo giống

Câu 11: Đây là nhược điểm của chăn nuôi công nghệ cao

- A. yêu cầu lao động có trình độ cao
- B. yêu cầu vốn đầu tư lớn
- C. phụ thuộc vào công nghệ
- D. cả 3 ý trên

Câu 12: Sản phẩm chăn nuôi nào dưới đây có thể làm nguyên liệu cho các ngành công nghiệp sản xuất đồ thủ công.

- A. Sữa
- B. Thịt
- C. Trứng
- D. Da

Câu 13: Ý nào sau đây là vai trò của chăn nuôi đối với đời sống kinh tế - xã hội?

- A. Cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, da, giày, may mặc và thời trang, nguyên liệu cho ngành sản xuất đồ thủ công, mỹ nghệ, mỹ phẩm, dược phẩm, ...
- B. Cung cấp phân bón cho trồng trọt, thức ăn cho nuôi trồng thủy sản, đóng vai trò là một mắt xích quan trọng của sản xuất nông nghiệp bền vững.
- C. Tạo việc làm, tăng thu nhập cho người chăn nuôi và các bên liên quan khác.
- D. Tất cả các ý trên

Câu 14: Tác dụng của cảm biến môi trường trong chăn nuôi là ?

- A. Theo dõi tình hình sinh hoạt và chế độ ăn uống của vật nuôi
- B. Theo dõi các chỉ số của vật nuôi
- C. Theo dõi các chỉ số về môi trường
- D. Theo dõi sức khỏe và phát hiện bệnh sớm

Câu 15: Ý nào sau đây *không* phải là yêu cầu cơ bản đối với người lao động làm việc trong ngành chăn nuôi?

- A. có kiến thức, kĩ năng về chăn nuôi và kinh tế
- B. có khả năng áp dụng công nghệ, vận hành các thiết bị công nghệ cao trong sản xuất, sản xuất
- C. có khả năng linh hoạt sáng tạo, giải quyết các vấn đề phát sinh trong khi sử dụng máy móc công nghệ cao
- D. chăm chỉ trong công việc

Câu 16: Ý nào sau đây là vai trò của chăn nuôi đối với đời sống kinh tế - xã hội?

- A. Phục vụ cho tham quan, du lịch, lưu giữ nét văn hóa truyền thống.
- B. Cung cấp thiết bị cho các ngành nghề khác.
- C. Thúc đẩy sản xuất, nâng cao chất lượng cuộc sống.
- D. Giảm sức lao động, tăng năng suất và tiết kiệm tài nguyên.

Câu 17: Ứng dụng công nghệ IoT, AI vào chăn nuôi giúp...

- A. phát hiện bệnh sớm và chính xác
- B. điều khiển độ ẩm, nhiệt độ và độ thoáng khí của chuồng trại
- C. điều khiển lượng thức ăn ở mức hợp lý

D. cả 3 đáp án trên

Câu 18: Đây là một trong những triển vọng của chăn nuôi trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0. Chọn đáp án sai

- A. ứng dụng kỹ thuật hóa hiện đại hóa
- B. máy móc và công nghệ thay thế nhân công giúp tiết kiệm thời gian, sức lao động, tăng năng suất, độ chính xác, tăng số lượng và chất lượng sản phẩm.
- C. tạo công ăn việc làm cho nhiều nhân công thất nghiệp
- D. công nghệ gen để tạo ra giống vật nuôi tốt hơn.

Câu 19: Lợi ích của việc kết hợp chuồng nuôi hiện đại và các thiết bị thông minh là?

- A. giúp vật nuôi sinh trưởng, phát triển tốt.
- B. chẩn đoán bệnh nhanh và chính xác, phòng và trị bệnh hiệu quả.
- C. tăng cường bảo vệ môi trường
- D. cả 3 ý trên đều đúng

Câu 20: Ở những trang trại gà lấy trứng, người ta cho những quả trứng nghe nhạc để biến đổi giới tính của chú gà từ trong quả trứng. Những quả trứng cho nghe nhạc sẽ được đem đi ấp và nở ra gà mái. Nhờ đó hạn chế nở ra gà đực, hạn chế tiêu hủy những con gà đực.

Thành tựu này là kết quả của

- A. công nghệ AI, IoT
- B. công nghệ sinh học, nghiên cứu sinh học
- C. công nghệ gen di truyền
- D. công nghệ sản xuất

Câu 21: Ưu điểm của việc sử dụng nhận diện khuôn mặt vật nuôi

- A. theo dõi được vật nuôi mà không cần phải di chuyển nhiều
- B. chữa bệnh cho vật nuôi
- C. theo dõi được các chỉ số môi trường
- D. can thiệp kịp thời nếu thấy vật nuôi có dấu hiệu bị bệnh

Câu 22 : Những loại vật nuôi nào phù hợp với phương thức nuôi công nghiệp?

- A. Gà, vịt, lợn
- B. Trâu, bò
- C. Ong
- D. Cừu, dê

Câu 23 : Trâu và bò đều có đặc điểm phân bố gắn với các đồng cỏ tươi tốt, nhưng trâu lại khác với bò là

- A. Phân bố ở những nước có khí hậu nhiệt đới khô hạn.
- B. Phân bố ở những nước có khí hậu nhiệt đới ẩm.
- C. Phân bố ở những nước có điều kiện tự nhiên khắc nghiệt.
- D. Phân bố ở những nước có khí hậu lạnh giá.

Câu 24 : Loại vật nuôi có mặt ở khắp nơi trên thế giới là

- A. Gà.
- B. Lợn.
- C. Cừu.
- D. Bò.

Câu 25 : Ý nào dưới đây là phù hợp nhất để mô tả phương thức nuôi bán công nghiệp (bán chăn thả)?

- A. Là dạng kết hợp của nuôi chăn thả tự do và nuôi công nghiệp.
- B. Là phương thức chăn nuôi chỉ áp dụng cho gia súc.
- C. Là phương thức chăn nuôi chỉ áp dụng cho gia cầm.
- D. Là phương thức chăn nuôi ghép nhiều loại gia súc, gia cầm.

Câu 26 : Phương thức chăn thả gia súc thường dựa trên cơ sở nguồn thức ăn nào sau đây?

- A. Đồng cỏ tự nhiên.
- B. Cây thức ăn cho gia súc.

C. Hoa màu, lương thực.

D. Chế biến tổng hợp.

Câu 27 : Phương thức chăn nuôi nửa chuồng trại và chuồng trại thường dựa trên cơ sở nguồn thức ăn nào sau đây?

A. Đồng cỏ tự nhiên.

B. Diện tích mặt nước,

C. Hoa màu, lương thực.

D. Chế biến tổng hợp

Câu 28 : Các phương thức chăn nuôi chủ yếu ở nước ta là:

A. Chăn thả, chăn nuôi truyền thống, bán chăn thả

B. Chăn thả, chăn nuôi công nghiệp, chăn nuôi bán công nghiệp

C. Chăn nuôi nông hộ, nuôi nhốt, bán chăn thả

D. Chăn thả, nuôi nhốt, chăn nuôi truyền thống

Câu 29 : Ngoài các đồng cỏ tự nhiên, phần lớn thức ăn của ngành chăn nuôi hiện nay là do

A. Ngành trồng trọt cung cấp.

B. Ngành thủy sản cung cấp.

C. Công nghiệp chế biến cung cấp.

D. Ngành lâm nghiệp cung cấp.

Câu 35 : Cơ sở thức ăn cho chăn nuôi đã có những tiến bộ vượt bậc là nhờ vào

A. Lực lượng lao động dồi dào.

B. Thành tựu khoa học kỹ thuật.

C. Sự thuận lợi của điều kiện tự nhiên.

D. Kinh nghiệm sản xuất của con người.

Câu 30 : Phương thức chăn nuôi công nghiệp thường dựa trên cơ sở nguồn thức ăn nào sau đây?

A. Đồng cỏ tự nhiên.

B. Cây thức ăn cho gia súc.

C. Hoa màu, lương thực.

D. Chế biến tổng hợp.

Câu 31 : Có mấy phương thức chăn nuôi phổ biến?

A. 1

B. 3

C. 2

D. 4

Câu 32 : Biểu hiện nào sau đây không đúng với những tiến bộ của cơ sở thức ăn cho chăn nuôi hiện nay?

A. Các đồng cỏ ở tự nhiên được cải tạo.

B. Đồng cỏ trồng giống có năng suất cao.

C. Nhiều thức ăn chế biến từ công nghiệp.

D. Diện tích mặt nước nuôi trồng tăng lên

Câu 33 : Phát biểu nào sau đây không đúng với sự thay đổi của ngành chăn nuôi trong nền công nghiệp hiện đại?

A Từ chăn thả sang nửa chuồng trại rồi chuồng trại.

B. Từ nửa chuồng trại đến công nghiệp

C. Từ đa canh, độc canh tiến đến chuyên môn hoá.

D. Từ lấy thịt, sữa, trứng đến lấy sức kéo, phân bón.

Câu 34 : Phương thức chăn nuôi bán chăn thả có đặc điểm gì?

A. Vật nuôi đi lại tự do, không có chuồng trại

B. Vật nuôi tự kiếm thức ăn có trong tự nhiên

C. Vật nuôi sử dụng thức ăn công nghiệp kết hợp thức ăn tự tìm kiếm

D. Vật nuôi chỉ sử dụng thức ăn, nước uống do người chăn nuôi cung cấp.

Câu 35 : Loại nào sau đây thuộc gia súc nhỏ?

A. Bò.

B. Trâu.

C. Gà.

D. Dê.

Câu 36 : Ý nào dưới đây là không phù hợp để mô tả phương thức nuôi chăn thả tự do?

A. Con vật có thể đi lại tự do, tự kiếm thức ăn.

B. Có mức đầu tư thấp, tận dụng được nguồn thức ăn tự nhiên.

- C. Cho năng suất thấp và khó kiểm soát dịch bệnh.
- D. Con vật được nuôi trong chuồng kết hợp với chăn thả.

Câu 37 : Phần lớn thức ăn của ngành chăn nuôi đều lấy từ nguồn nào sau đây?

- A. Tự nhiên.
- B. Trồng trọt.
- C. Công nghiệp.
- D. Thủy sản.

Câu 38 : Những nước nào sau đây sản xuất nhiều thịt và sữa bò nhất trên thế giới là

- A. Hoa Kỳ, Thái Lan, Trung Quốc, Ac-hen-ti-na.
- B. Hoa Kỳ, Ấn Độ, Trung Quốc, Ac-hen-ti-na.
- C. Hoa Kỳ, Bra-xin, Trung Quốc, Ac-hen-ti-na
- D. Hoa Kỳ, Mê-hi-cô, Trung Quốc, Ac-hen-ti-na.

Câu 39: Ý nào đúng nhất khi nói về giống vật nuôi là gì?

- A. Giống vật nuôi là quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người
- B. Giống vật nuôi là quần thể vật nuôi cùng loài, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người
- C. Giống vật nuôi là quần thể vật nuôi cùng nguồn gốc, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người
- D. Giống vật nuôi là quần thể vật nuôi có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người

Câu 40 : Có mấy cách để phân loại giống vật nuôi

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 41 : Đây không phải cách để phân loại giống vật nuôi

- A. Dựa vào nguồn gốc
- B. Dựa vào mức độ hoàn thiện
- C. Dựa vào mục đích khai thác
- D. Dựa vào giới tính

Câu 42 : Điều kiện để công nhận giống vật nuôi là

- A. Phải có chung nguồn gốc, số lượng vật nuôi đủ lớn, phân bố rộng.
- B. Có ngoại hình, năng suất giống nhau, có tính di truyền ổn định.
- C. Được Hội đồng Giống Quốc gia công nhận
- D. Cả A, B, C

Câu 43 : Tầm quan trọng của giống đối với năng suất và chất lượng sản phẩm chăn nuôi là:

- A. Giống là yếu tố quan trọng nhất quyết định đến chất lượng các sản phẩm chăn nuôi (thịt, trứng, sữa,...)
- B. Giống là yếu tố ít quan trọng đến chất lượng các sản phẩm chăn nuôi
- C. Giống không ảnh hưởng đến khả năng thích nghi và hiệu quả sử dụng thức ăn của vật nuôi.
- D. Cả A, B, C đều sai

Câu 44 : Năng suất sữa của giống Bò Hà Lan là:

- A. 3500 – 4000 kg/chu kỳ ngày tiết sữa/con
- B. 1400 – 2100 kg/chu kỳ ngày tiết sữa/con
- C. 5500 – 6000 kg/chu kỳ ngày tiết sữa/con
- D. 5000 – 5500 kg/chu kỳ ngày tiết sữa/con

Câu 45 : Đặc điểm của trâu Việt Nam là:

- A. Lông màu vàng và mịn, da mỏng

- B. Lông loang trắng đen, cho sản lượng sữa cao
- C. Lông vàng hoặc nâu, vai u
- D. Lông, da màu đen xám, tai mọc ngang.

Câu 46 : Đặc điểm của giống gà Ri

- A. Giống gà có hình dáng nhỏ bé, lông vàng nhạt hoặc nâu, thỉnh thoảng có đốm đen ở khu vực cổ hoặc lưng.
- B. Giống gà có cặp chân to và thô, tầm vóc lớn, khối lượng trứng to.
- C. Có tầm vóc lo lớn, xương to, cơ bắp phát triển, chân cao và to khỏe, có cựa ngắn hoặc không có, lớp biểu bì hoá sừng ở cẳng chân dày và cứng.
- D. Bộ lông trắng không mượt nhưng toàn bộ da, mắt, thịt, chân và xương đều đen, chân có 5 ngón.

Câu 47: Đặc điểm của giống gà Ác

- A. Giống gà có hình dáng nhỏ bé, lông vàng nhạt hoặc nâu, thỉnh thoảng có đốm đen ở khu vực cổ hoặc lưng.
- B. Giống gà có cặp chân to và thô, tầm vóc lớn, khối lượng trứng to.
- C. Có tầm vóc lo lớn, xương to, cơ bắp phát triển, chân cao và to khỏe, có cựa ngắn hoặc không có, lớp biểu bì hoá sừng ở cẳng chân dày và cứng.
- D. Bộ lông trắng không mượt nhưng toàn bộ da, mắt, thịt, chân và xương đều đen, chân có 5 ngón.

Câu 48 : Năng suất trứng của giống gà Ri là

- A. 250 - 280 quả/mái/năm
- B. 60 - 70 quả/mái/năm
- C. 90 - 120 quả/mái/năm
- D. 160 - 220 quả/mái/năm

Câu 49 : Năng suất trứng của giống gà Mía là

- A. 250 - 280 quả/mái/năm
- B. 60 - 70 quả/mái/năm
- C. 90 - 120 quả/mái/năm
- D. 160 - 220 quả/mái/năm

Câu 50 : Năng suất trứng của giống gà Leghorn là

- A. 250 - 280 quả/mái/năm
- B. 60 - 70 quả/mái/năm
- C. 90 - 120 quả/mái/năm
- D. 160 - 220 quả/mái/năm

Câu 51 : Đặc điểm của Lợn Móng cái là:

- A. Lông đen pha lẫn trắng hoặc hồng, lưng dài, rộng và hơi võng xuống.
- B. Màu trắng, tai to rủ xuống trước mặt, tỉ lệ lặc cao
- C. Thân dài, da màu trắng, tai dựng lên, có tỉ lệ lặc cao
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 52 : Đặc điểm của bò sữa Hà Lan là:

- A. Lông màu vàng và mịn, da mỏng
- B. Lông loang trắng đen, cho sản lượng sữa cao
- C. Lông vàng hoặc nâu, vai u
- D. Lông, da màu đen xám, tai mọc ngang.

Câu 53 : Đặc điểm của Lợn Yorkshire là:

- A. Lông đen pha lẫn trắng hoặc hồng, lưng dài, rộng và hơi võng xuống.
- B. Màu trắng, tai to rủ xuống trước mặt, tỉ lệ lặc cao
- C. Thân dài, da màu trắng, tai dựng lên, có tỉ lệ lặc cao

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 54 : Đặc điểm của bò vàng Việt Nam là:

- A. Lông màu vàng và mịn, da mỏng
- B. Lông loang trắng đen, cho sản lượng sữa cao
- C. Lông vàng hoặc nâu, vai u
- D. Lông, da màu đen xám, tai mọc ngang.

Câu 55: Đặc điểm của bò lai Sind là:

- A. Lông màu vàng và mịn, da mỏng
- B. Lông loang trắng đen, cho sản lượng sữa cao
- C. Lông vàng hoặc nâu, vai u
- D. Lông, da màu đen xám, tai mọc ngang.

Câu 56 : Chọn giống vật nuôi là gì?

- A. Chọn giống vật nuôi là lựa chọn và giữ lại làm giống những cá thể mang đặc tính tốt, phù hợp với mục đích của chăn nuôi
- B. Chọn giống vật nuôi là lựa chọn và giữ lại làm giống những cá thể mang đặc tính tốt, thải loại các cá thể không đạt yêu cầu
- C. Chọn giống vật nuôi là lựa chọn và giữ lại làm giống những cá thể mang đặc tính tốt phù hợp với mong muốn của người chọn giống
- D. A, B, C đều đúng

Câu 57: Có mấy chỉ tiêu cơ bản để chọn giống vật nuôi là

- A. 5.
- B. 6.
- C. 3.
- D. 4.

Câu 58 : Có mấy điều kiện để được công nhận là một giống vật nuôi?

- A. 4
- B. 3
- C. 6
- D. 5

Câu 59 : Các chỉ tiêu cơ bản để đánh giá chọn lọc vật nuôi là:

- A. Ngoại hình thể chất, Khả năng sinh trưởng và phát dục, Chu kỳ động dục
- B. Ngoại hình thể chất, Khả năng sinh trưởng và phát dục, Sức sản xuất
- C. Ngoại hình thể chất, Chu kỳ động dục, Sức sản xuất
- D. Tất cả đều sai

Câu 60 : Sức sản xuất của vật nuôi có thể là:

- A. Khả năng tiêu tốn thức ăn
- B. Tốc độ tăng khối lượng cơ thể.
- C. Tốc độ phát triển hoàn thiện
- D. Khả năng sinh sản.

II. TỰ LUẬN

Câu 1: Trình bày xu hướng phát triển chăn nuôi ở Việt Nam và trên thế giới. Liên hệ với thực tiễn chăn nuôi ở địa phương em?

Câu 2: Giống vật nuôi là gì? Trình bày vai trò của giống vật nuôi và cho ví dụ minh họa?

Câu 3: So sánh quá trình sinh trưởng với quá trình phát dục ở vật nuôi?

Câu 4: Gia đình bà Nga mua một đàn lợn về nuôi lấy thịt, trong đàn bà thấy có con lợn cái phát triển tốt, khỏe mạnh và bà muốn nuôi để làm giống. Bằng kiến thức đã học em hãy tư vấn cho bà nên hay không nên làm như vậy và giải thích để bà hiểu.

Câu 5: Bác Đông và bác Nam đều đang nuôi gà để trứng, bác Đông nuôi giống gà Leghorn, bác Nam nuôi giống gà Mía. Gà nhà bác Đông đẻ trung bình 220 quả/năm, trong khi gà nhà bác Sáu

để trung bình chỉ 70 quả/năm. Thấy vậy, bác Nam có ý định học hỏi bác Đông kinh nghiệm chăm sóc gà để tăng khả năng đẻ trứng cho gà nhà mình như gà nhà bác Đông. Theo em, ý định của bác Nam có thành công không? Vì sao?